

點心 Snacks

diǎn xīn

排一排 Drag and Drop the pinyin to a matched phrases

pái yì pái

1	2	3	4
			
5	6	7	8
			

qiǎo kè lì	bīng qí lín	bǐng gān	shuǐ guǒ
dàn gāo	guǒ zhī	tián tián quān	táng guǒ